

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp,
nơi có nhiều lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động tại thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.



2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Điều 2. Nội dung và các mức hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non

1. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

a) Đối tượng hưởng chính sách theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung chính sách

Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: Trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng/cơ sở.

2. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

a) Đối tượng hưởng chính sách theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, khoản 3 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung chính sách: Hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

a) Đối tượng hưởng chính sách theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung chính sách: Hỗ trợ 800.000 đồng/tháng.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được hưởng hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021, Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ và kiểm tra việc hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng.

b) Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp.

c) Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

d) Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tuyên truyền, triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng

ĐÀ NẴNG